

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 216/2018/DS-PT

Ngày 30-7-2018

*“V/v tranh chấp ranh đất và bồi thường
thiệt hại”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Quán

Các Thẩm phán: Ông Hồ Chí Tâm

Bà Trịnh Thị Phúc

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Tấn Phong - Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Long An

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An mở phiên tòa để xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 108/2018/TLPT-DS ngày 06 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp ranh quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 19/4/2018 của Toà án nhân dân huyện C có kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 130/2018/QĐ-PT ngày 15 tháng 6 năm 2018, giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, sinh năm 1943.

Địa chỉ: Ấp T, xã ĐT, huyện C, tỉnh Long An.

2. Bị đơn: Cụ Nguyễn Văn B, sinh năm 1936

Địa chỉ: Ấp T, xã ĐT, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1969. (Giấy ủy quyền ngày 27/6/2018 được lập tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện C).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Văn Tr, sinh năm 1941

Địa chỉ: Ấp T, xã ĐT, huyện C, tỉnh Long An.

3.2. Ông Nguyễn Trường S, sinh năm 1977;

3.3. Bà Dương Thị Kim H, sinh năm 1979 ;

3.4. Bà Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1969

3.5. Ông Trần Văn M, sinh năm 1968

3.6. Bà Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh năm 1965

3.7. Ông Nguyễn Văn Ph1, sinh năm 1957

3.8. Ông Nguyễn Văn Ph2, sinh năm 1982

3.9. Bà Đặng Thị Kim H, sinh năm 1988

3.10. Bà Đặng Thị B, sinh năm 1932

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã ĐT, huyện C, tỉnh Long An

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bà Ng, ông Ph1, ông Ph2, bà Kim H, bà B, bà H: B Nguyễn Thị Thanh H. (Giấy ủy quyền ngày 27/6/2018 được lập tại Ủy ban nhân dân xã ĐT, huyện C).

Người kháng cáo: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/4/2015 và biên bản xác định yêu cầu khởi kiện ngày 18/5/2015, nguyên đơn bà Nguyễn Thị S yêu cầu cụ B mở rộng lối đi trên thửa đất 1126, tờ bản đồ số 4, do bà Sáng đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Bà S cho rằng ông B lấn chiếm bờ đi chiều ngang 0,4m dài 40m. Theo đo vẽ vị trí các thửa đất và vị trí tranh chấp thì bờ đi chung có các đoạn như sau:

- Đoạn 1 là từ bờ đan công cộng đến hàng rào của cụ Nguyễn Văn B, vị trí đất giáp với ông Nguyễn Văn M, bà không tranh chấp.

- Đoạn 2 là vị trí hàng rào nhà của ông Nguyễn Văn Ph tại thửa đất số 1125, tờ bản đồ số 4 (con của cụ Nguyễn Văn B), hàng rào có chiều dài khoảng 18,6m. Trước đây khoảng hơn 10 năm, tại vị trí hàng rào có hàng cây bông Phướng do cụ B trồng, trước khi cụ B trồng cây Phướng bờ đi có chiều rộng khoảng 01m nhưng do cây Phướng mọc ngày càng lấn ra nên bờ đi chỉ còn rất nhỏ khoảng 0,6m. Sau đó, khoảng tháng 4/2015 thì cụ B đốn bỏ hàng Phướng để xây hàng rào ngay đúng ranh hàng Phướng thay vì phải lùi vào phía trong để trả lại bờ đi là 01m như trước đây. Hiện nay bờ chung giữa 02 bên chỉ có chiều ngang khoảng 0,6m. Bờ đi là của chung 02 bên nhưng cụ B sử dụng phần bờ đi của cụ B để xây hàng rào, phần gia đình cụ Bảo sử dụng bờ đi còn lại để đi thăm ruộng là đất bên bà. Bà buộc cụ B phải trả lại bờ đi như trước đây. Sau khi tiến hành đo vẽ vị trí bờ đi giữa các thửa đất số 1125, 1123, 3382, 3381, 3380 với các thửa đất 1126, 1127 liền kề thì bà khởi kiện yêu cầu cụ B dời hàng rào cụ B đã xây dựng lấn vào bờ đi chung giữa thửa đất của cụ B và của bà. Buộc cụ B phải trả lại chiều ngang 0,4m x 18,6m (chiều dài hàng rào) để bờ đi chung được rộng, dễ dàng đi lại làm lúa. Các thửa đất của cụ B do ai đứng tên quyền sử dụng

đất thì bà không biết nhưng do ông Bảo là người xây dựng và chỉ người ta xây dựng nên bà yêu cầu cụ B phải dời hàng rào.

- Đoạn 3 là phần bờ đi còn lại giữa thửa đất số 1126, 1127 của bà và các thửa đất số 1123, 3382, 3381, 3380 của gia đình cụ B. Cụ Bảo đã ban đất từ bờ đi xuống ruộng của ông B làm bờ đi bị hẹp, không tiện đi lại. Phần ban đất có chiều ngang khoảng 0,4m x dài 60m. Tại biên bản hòa giải của Tòa án ngày 19/5/2015, bà khởi kiện yêu cầu cụ B trả lại chiều ngang khoảng 0,4m x dài 40m nếu cụ B lấn đất của bà. Tuy nhiên, sau khi đo đạc, định giá phần đất tranh chấp, bà yêu cầu cụ B phải trả lại bờ đi bị lấn chiếm ngang 0,4m x dài 60m. Bà bổ sung yêu cầu buộc cụ B đắp thêm bờ đi ngang 0,4m x dài 60m mà cụ Bảo đã lấn chiếm do đất từ bờ đi đã bị cụ B ban xuống ruộng. Bà S buộc khôi phục lại như cũ, bà không xác định bao nhiêu. Bà không yêu cầu ông B trả giá trị đất bị ban xuống mà yêu cầu ông B phải đắp lại bờ đi.

Bà không nộp tiền để định giá khối lượng phần bờ đi bị ban đi vì trước đây bà đã nộp 7.000.000 đồng. Trước đây, phần bờ đi này cũng có chiều ngang khoảng 01m. Do cụ B xây dựng hàng rào và xấn đất bờ đi nên bà khởi kiện yêu cầu cụ B phải là người chịu trách nhiệm dỡ hàng rào và đắp bờ. Bà không khởi kiện yêu cầu các con của ông Bảo vì việc ông Bảo sang tên đất cho các con bà không ký giáp ranh nên bà không biết.

Nguồn gốc đất do bà đứng tên là của ông bà để lại cho bà sử dụng từ nhỏ đến nay. Nếu phần đi chung không thuộc phần đất của ai thì bà cũng yêu cầu ông B phải chừa bờ đi để thuận tiện việc đi lại chung của 02 bên. Bà không yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với các phần đất mà con ông Bảo đã đứng tên nếu hàng rào có lấn vào đất của bà.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Thanh H và ông Nguyễn Trường S thống nhất trình bày:

Bờ đi giữa các thửa đất 1125, 1123, 3382, 3381, 3380 của gia đình ông bà với các thửa đất 1126, 1127 của bà S là bờ thửa giữa các thửa đất. Trước đây bờ đi có chiều ngang khoảng 0,5m đến 0, 6m (5 đến 6 tấc). Bờ đi này do gia đình của ông bà và bà S sử dụng để đi lại làm ruộng.

Vị trí hàng rào mà bà S yêu cầu tháo dỡ là thuộc phần nhà của ông Nguyễn Văn Ph (con của cụ Nguyễn Văn B). Năm 2015, khi xây nhà ông P xây dựng hàng rào đúng với vị trí hàng cây Phướng trước đây, không có lấn vào bờ đi chung. Hiện nay, hàng rào còn cách bờ đi khoảng 0,1m. Căn cứ theo Mảnh trích đo bản đồ địa chính thì phần hàng rào của gia đình ông bà không có lấn qua thửa đất của bà Sáng. Nên không đồng ý dời hàng rào theo yêu cầu của bà S. Mặt khác, các thửa đất không phải do ông Bảo đứng tên quyền sử dụng đất mà do mẹ của bà là Đặng Thị B đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Năm 2002,

năm 2007, bà B đã lần lượt chuyển hết cho các người con. Hiện nay, Nguyễn Văn Ph đang đứng tên thửa đất số 1123, 1125; Nguyễn Văn S đứng tên thửa đất số 3380; Nguyễn Thị Thanh H đứng tên thửa đất số 3381 (Giấy chứng nhận của bà Hồng đã xóa hộ ngày 13/6/2016); Nguyễn Thị Thanh Ng đứng tên thửa đất 3382. Gia đình các ông bà không có nhu cầu sử dụng bờ đi này. Nếu bà S muốn mở rộng bờ đi thì bà S có quyền đắp đất thêm về phía ruộng của bà S.

Tại đoạn 1 của bờ đi theo lời trình bày của bà Sáng là của ông Nguyễn Văn M thuộc thửa số 1124. Sau đoạn 3 của bờ đi có ruộng của bà Nguyễn Thị Ng sử dụng thửa đất số 988, mọi người sử dụng đi lại không ai có yêu cầu gì. Cha của các ông bà là thương bệnh binh và lớn tuổi nên không thể xăn đất như lời trình bày của bà S. Người trực tiếp làm lúa là các con của cụ B. Việc bà S cho rằng cha của bà ban đất từ bờ đi xuống ruộng làm cho bờ đi hẹp lại là hoàn toàn không có. Do bờ đi nhỏ nên việc đi làm lúa làm bờ đi bị sạt lở xuống ruộng gia đình bà có đắp lên thêm. Qua các yêu cầu của bà S, bà không đồng ý trả lại bờ đi và đắp đất vào bờ đi.

Các bên không thống nhất.

Ngày 19/01/2015, bà Nguyễn Thị S nộp đơn khởi kiện.

Ngày 18/5/2015, Tòa án nhân dân huyện C thụ lý vụ án

Tòa án hòa giải không thành.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 21/2018/DS-ST ngày 19/4/2018 Tòa án nhân dân huyện C đã áp dụng khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 164, 165, điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S buộc ông Nguyễn Văn B dời hàng rào trả lại bờ đi bị lấn chiếm có chiều ngang 0,4m x chiều dài 18,6m và yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn B trả lại bờ đi bị lấn chiếm có chiều ngang 0,4 x chiều dài 60m.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu cụ Nguyễn Văn B đắp lại bờ đi có chiều ngang 0,4m x chiều dài 60m.

3. Chi phí đo đạc, thẩm định: 7.000.000đ, bà Sáng phải chịu đã nộp xong.

4. Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị S Hoàn lại cho bà Sáng tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 0005080 ngày 18/5/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

Ngoài ra án còn tuyên về quyền kháng cáo; quyền và nghĩa vụ của các bên ở giai đoạn thi hành án.

Bản án chưa có hiệu lực pháp luật.

Ngày 02/5/2018, bà Nguyễn Thị S kháng cáo bản sơ thẩm, yêu cầu trả lại bờ đất lấn chiếm, tháo dỡ hàng rào và đắp lại bờ đi.

Tại Toà phúc thẩm,

Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và không thay đổi yêu cầu kháng cáo. Bị đơn không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị S khẳng định ông B đã xây tường rào trên thửa đất 1125 lấn chiếm bờ đi chung giữa hai thửa đất. Đồng thời, ông B đã ban bờ ranh ở các thửa 1123, 3382 và 3381. Bà yêu cầu ông B trả lại hiện trạng bờ ranh như ban đầu vì bà đã canh tác các thửa đất liền kề hơn 40 năm nên biết rất rõ hiện trạng bờ ranh.

Bà Nguyễn thị Thanh H đại diện cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thừa nhận có việc xây tường rào lấn ranh. Thực tế thẩm định và qua đo đạc tường rào còn cách bờ ranh trên dưới 0,4m. Đối với các thửa đất còn lại theo vị trí ranh bản đồ có sát ranh thửa 1123, 3382 và một phần 3381 là do sạt lở nhưng anh chị em bà không sử dụng lối đi này để đi lại nên không phải bồi đắp theo yêu cầu của bà S. Toàn bộ quyền sử dụng đất hiện đã chia cho các anh chị em, ông B không có đứng tên quyền sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Trường S thống nhất trình bày của bà H, không có ý kiến gì thêm.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Cấp phúc thẩm thực hiện đúng pháp luật về tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và các bên đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Kháng cáo hợp lệ đủ điều kiện để xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung kháng cáo: Bà S kiện ông B là không có căn cứ. Bởi: các thửa đất 1126, 1127 của bà Sáng giáp ranh với các thửa đất 1125, 1123, 3382, 3381 và 3380 của các con ông B, không phải do ông B đứng tên quyền sử dụng đất. Cụ thể thửa 1125 do ông Ph đứng tên quyền sử dụng đất. Theo hiện trạng đất và Mảnh trích đo cho thấy không có việc tường rào nhà ông Ph chồng lấn ranh đất. Riêng các thửa còn lại căn cứ theo ranh bản đồ tuy nằm hằn bên các 1123, 3382, và một phần 3381 nhưng theo bà H các anh chị em bà không sử dụng lối đi này nên không phải bồi đắp để cùng sử dụng. Ngoài ra, hiện tại các thửa đất không còn thuộc quyền sử dụng đất của ông B. Dù Tòa án đã giải thích nhưng bà S vẫn kiện ông B. Án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Sáng là có cơ sở. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm. Về quan hệ tranh chấp, án sơ thẩm xác định là tranh chấp ranh quyền sử dụng đất là không chính xác. Đề nghị sửa bản án dân sự sơ thẩm về quan hệ tranh chấp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Đương sự kháng cáo hợp lệ nên được chấp nhận, vụ án được xem xét lại theo thủ tục phúc thẩm. Đương sự vắng mặt đã có ủy quyền hợp lệ. Áp dụng quy định tại Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án cấp phúc thẩm vẫn xét xử.

[2] Về quan hệ tranh chấp, bản chất của vụ việc là tranh chấp quyền sử dụng đất và khôi phục hiện trạng đất nhưng án sơ thẩm xác định “Tranh chấp ranh quyền sử dụng đất và bồi thường thiệt hại” là không chính xác.

[3] Bà S kháng cáo yêu cầu trả đất và khôi phục hiện trạng đất căn cứ Điều 293 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 Tòa án xem xét lại trong phạm vi này.

[3] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị S thấy:

[3.1] Thứ nhất, yêu cầu tháo dỡ hàng rào và trả lại bờ ranh.

Bà S là người sử dụng và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất các thửa đất 1126, 1127 vào năm 1997. Liên kề hai thửa đất của bà S là các thửa 1125, 1123, 3382, 3381 và 3380 trước đây do bà Đặng Thị B (vợ ông B) đứng tên. Sau đó thông qua hợp đồng tặng cho ông Nguyễn Văn Ph quản lý sử dụng và được cấp quyền sử dụng đất các thửa đất 1125, 1123 vào năm 2007. Thửa 3380 do ông Nguyễn Trường S sử dụng. Thửa 3381 do bà Nguyễn Thị Thanh H sử dụng và thửa 3382 do bà Nguyễn Thị Thanh Ng sử dụng đều được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào năm 2002.

Căn cứ vào Công văn số 120/CN.VPĐKĐĐ ngày 18/5/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C hiện nay hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bà Sáng không còn lưu trữ. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà S được cấp không thể hiện có sự đo đạc khi cấp giấy. Riêng việc cấp quyền sử dụng đất cho các ông Ph, ông S, bà H và bà Ng là trên cơ sở hợp đồng từ mẹ cho con ruột cũng không đo đạc. Cho nên không thể căn cứ vào diện tích được cấp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất so với diện tích đất thực tế đang sử dụng để xác định ranh đất.

Bà S căn cứ vào thực tế sử dụng bờ ranh để yêu cầu khôi phục và tháo dỡ hàng rào. Bà S cho rằng bờ ranh làm lối đi giữa các thửa đất bên gia đình ông B và bà ngang 1m nhưng bà Sáng không có chứng cứ nào chứng minh bờ ranh có chiều ngang 1m. Quá trình giải quyết vụ án bà S trình bày cũng không xác định được lối đi có chiều ngang bao nhiêu, chỉ yêu cầu dỡ hàng rào khôi phục như hiện trạng ban đầu. Trong khi theo các trích lục bản đồ địa chính và không ảnh không thể hiện có lối đi nên không có cơ sở xác định bờ ranh giữa các thửa đất ngang 1m.

Theo Mảnh trích đo địa chính số 4 vị trí hàng rào nằm toàn bộ trên thửa đất số 1125 tờ bản số 4 thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Ph. Bờ ranh chung vẫn còn có chiều ngang từ 0,4m – 0,6m. Căn cứ ranh đất theo các bên xác định

được thể hiện trên mảnh trích đo bờ ranh và hàng rào vẫn còn cách các thửa đất 1126, 1127 thuộc quyền sử dụng đất của bà S từ 0,4m – 0,6m. Hiện trạng này phù hợp bờ ranh còn lại không tranh chấp giữa ông Nguyễn Văn M sử dụng thửa đất số 1124 đầu ngoài và bà Nguyễn Thị Ng sử dụng thửa đất số 3380 đầu trong có chung bờ ranh với thửa đất bà S tranh chấp. Bờ ranh có chiều ngang khoảng 0,5m đến 0,6m không phải 01m như bà S trình bày.

Hơn nữa, quyền sử dụng đất và hàng rào thực tế thuộc quyền sở hữu và sử dụng của ông Ph, anh S, chị H và chị Ng không phải của cụ B. Án sơ thẩm bác yêu cầu của bà S khởi kiện cụ Bảo là có cơ sở.

[3.2] Thứ hai, yêu cầu khôi phục bờ ranh của bà Nguyễn Thị S.

Căn cứ Mảnh trích đo địa chính số 4 cho thấy ranh bản đồ nằm trong các thửa 1123, 3382 và một phần thửa 3381 (thay vì nằm giữa bờ ranh) cho nên việc bờ ranh thửa bị sặc lở là có căn cứ. Tuy nhiên, hiện trạng bờ ranh chung vẫn còn chiều ngang từ 0,4m - 0,6m. Mặt khác, phía ông Ph, bà H và bà Ng không sử dụng bờ ranh chung này nên không chấp nhận yêu cầu của bà S buộc khôi phục lại để cùng sử dụng. Trường hợp bà Sáng có nhu cầu mở rộng lối đi, bà S có quyền tự bồi đắp rộng ra bên phần đất thuộc quyền sử dụng của bà để sử dụng. Mặt khác, như nhận định ở Mục [3] các thửa đất 1125, 1123, 3382, 3381, 3380 - hiện do ông Nguyễn Văn Ph, bà Nguyễn Thị Thanh Ng, bà Nguyễn Thị Th H và ông Nguyễn Trường S đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng bà S kiện cụ B là không đúng. Án sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của bà Sáng là có căn cứ.

Vì vậy không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà S, giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm, xác định lại quan hệ tranh chấp như đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm, bà S kháng cáo không được chấp nhận, theo Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 lẽ ra bà S phải chịu nhưng thuộc trường hợp quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án nên được miễn.

[5] Những nội dung khác của quyết định án sơ thẩm giữ nguyên có hiệu lực.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Khoản 1 Điều 308, Điều 293 và Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị S.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 26; Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 164, 165, điểm đ khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 166, 203 Luật đất đai năm 2013; Căn cứ khoản 3 Điều 27, Điều 29 Pháp lệnh án phí và lệ phí Tòa án; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S đối với cụ Nguyễn Văn B về việc “Tranh chấp quyền sử dụng đất”

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị S buộc ông Nguyễn Văn B dời hàng rào trả lại bờ đi bị lấn chiếm có chiều ngang 0,4m x chiều dài 18,6m và yêu cầu buộc ông Nguyễn Văn B trả lại bờ đi bị lấn chiếm có chiều ngang 0,4 x chiều dài 60m.

2. Đình chỉ yêu cầu của bà Nguyễn Thị S về việc yêu cầu cụ Nguyễn Văn B đắp lại bờ đi có chiều ngang 0,4m x chiều dài 60m.

3. Chi phí đo đạc, thẩm định: cấp sơ thẩm 7.000.000đ; cấp phúc thẩm 1.400.000đ, bà S phải chịu đã nộp xong.

4. Án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị S. Hoàn lại cho bà Sáng tiền tạm ứng án phí đã nộp là 200.000 đồng theo biên lai thu số 0005080 ngày 18/5/2015 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Long An.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị S do không tạm ứng nên không phải thôi hoàn.

5. Án xử công khai phúc thẩm có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC
- VKSNDCC
- TAND huyện C
- THA huyện C
- Đường sự
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quán

Nơi nhận:

- TANDCC
- VKSNDCC
- TAND sơ thẩm
- THA
- Đương sự
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Quán